

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/ HNGĐ-ST
Ngày 20/01/2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Bằng

-Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thanh Khen.
2. Ông Trần Văn Hưng.

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Long Hồ: Ông Phạm Thành Được – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 451/ 2019/ TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2019, về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1986(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2006 qua mai mối chị và anh H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/11/2006. Sau khi cưới vợ chồng chị sống cùng với gia đình anh H, thời gian đầu anh H thường xuyên uống rượu không lo cho vợ con, chị đi làm về phải đưa tiền cho anh H tiêu vặt, vì con nên chị cố chịu đựng và khuyên anh H lo làm ăn nhưng anh H không thay đổi. Đến năm 2009 chị có làm đơn xin ly hôn, nhưng sau đó rút đơn để cho anh H cơ hội sửa đổi. Năm 2016 anh H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, lúc đầu anh H có gửi tiền về tổng cộng khoảng 3.000.000 đồng thì không gửi nữa. Đến tháng 8/2017 anh H có về Việt Nam thì phát hiện anh H có quen với người phụ nữ khác bên ngoài, chị có hỏi anh H, anh cũng thừa nhận nhưng hứa sửa đổi, do tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên khoảng tháng 8/2017 chị yêu cầu ly hôn với anh H, anh H có đến Tòa án và năn nỉ chị nên chị rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ lo cho con. Vợ chồng về chung sống nhưng anh H cũng lo ăn chơi không lo cho vợ con tháng 3 năm 2018 anh H tiếp tục đi lao động ở Đài Loan, lúc đầu có liên lạc nhưng sau đó cắt liên lạc và cũng không gửi tiền về lo cho con. Từ tháng 5/2019 chị đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/6/2008. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn anh Nguyễn Quốc H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

-Tại phiên tòa chị T vẫn bảo lưu yêu cầu ly hôn với anh H và yêu cầu được nuôi con, vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống được nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị T trình bày anh H đi hợp tác lao động tại Đài Loan từ tháng 3 năm 2018 cho đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 11 năm 2019 ông Nguyễn Văn A là cha ruột của anh H trình bày anh H đi hợp tác lao động tại Đài Loan hơn 01 năm nay, anh H cũng có liên lạc về nhà, nhưng ông không biết địa chỉ nơi ở của anh H. Tòa án cũng ra thông báo yêu cầu

ông A và anh H cung cấp địa chỉ của anh H nhưng anh H và ông A không cung cấp, xem nhưng anh H cố tình giấu địa chỉ. Do đó Tòa án sẽ tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Huy tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77, ngày 14 tháng 11 năm 2006. Do đó hôn nhân của chị Tươi và anh Huy là hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và H tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống giữa anh chị có những mâu thuẫn không thể giải quyết, nhiều lần chị T nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh H, nhưng vì lo cho con và muốn anh H có cơ hội sửa đổi nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, nhưng khi về chung sống anh H không thay đổi. Hiện tại anh H đi hợp tác lao động tại Đài Loan, nhưng anh không liên lạc với chị T, về nghĩa vụ nuôi con anh H cũng không thực hiện. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu anh H cung cấp bản khai ý kiến của anh đối với yêu cầu của chị T nhưng anh không cung cấp mặc dù cha anh H trình bày anh cũng có liên lạc về với gia đình. Từ những nhận định trên cho thấy anh H không còn quan tâm đến tình cảm của chị T. Theo chị T trình bày mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được. Do đó việc chị yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ.

[4]. Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc H hiện do chị T nuôi dưỡng. Chị T có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, nguyện vọng của cháu H được chung sống với mẹ. Do đó nên giao cháu H cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[7]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[8]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc chị T phải nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/6/2008 cho chị Trần Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng T nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng theo biên lai số 0005238 ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

7. Quyền kháng cáo: Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- CC THADS huyện Long Hồ;
- UBND xã H-LH-VL
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Bằng

Số: 01/2020/QĐ-SCBSBA

Long Hồ, ngày 30 tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do sai sót trong khâu đánh máy, trong bản án số 05/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và Gia đình về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Hồng T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện H, tỉnh L

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1986(Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện H, tỉnh L.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ như sau:

Tại dòng thứ 30 đến dòng thứ 32 từ trên xuống của trang 02 bản án nêu trên đã ghi “*vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống được nữa.*”

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “....*vì mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể chung sống được nữa.*”

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

+Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thời hạn chuẩn

bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định.

+Về nội dung:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị: Trần Thị Hồng T.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 22/6/2008 cho chị Trần Thị Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Quốc H được quyền tới lui thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở anh huy thực hiện quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng T nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN”

Nơi nhận:

- Đương sự trong vụ án
- VKSND huyện Long Hồ;
- CCTHA-DS huyện Long Hồ;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng